

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3195/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2021  
nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 1)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của  
Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết  
số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường  
Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu  
tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định  
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-  
2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 506/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa  
bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số  
112/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 12 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân  
sách địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 1). Tổng kế hoạch đầu tư  
công năm 2021 nguồn vốn ngân sách địa phương là 3.603.667 triệu đồng, trong  
đó (kèm theo phụ lục):



1. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 933.967 triệu đồng, gồm:

a) Chi trả nợ gốc (vốn vay lại): 25.700 triệu đồng.  
b) Bố trí bồi hoàn giải phóng mặt bằng (từ tiền thuê đất): 390.000 triệu đồng.

c) Bố trí thực hiện dự án: 337.100 triệu đồng.

2. Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.300.000 triệu đồng.

3. Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.320.900 triệu đồng.

4. Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 48.800 triệu đồng.

**Điều 2. Giao trách nhiệm:**

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục và số vốn tại Điều 1 của Quyết định này cho các đơn vị thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

2. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và đẩy nhanh tiến độ các công trình, đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch được giao; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu các dự án do đơn vị quản lý. Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu không chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các chủ đầu tư cùng các cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Qua*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 của Quyết định;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (05b);
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT, nkguyen (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Đức Chính*

100



100

Phụ lục  
**DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**  
(Kèm theo Quyết định số: 3495/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú		
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh						Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất			Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn bội chi ngân sách địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<b>TỔNG SỐ (A+B+C)</b>				8.823.943	7.546.546	2.099.576	2.049.321	3.603.667	933.967	1.300.000	1.320.900	48.800	1.708.167			
<b>A</b>	<b>CÔNG TRÌNH DO SỐ, NGÀNH CẤP TỈNH QUẢN LÝ</b>				8.823.943	7.546.546	2.099.576	2.049.321	2.159.500	752.800	520.000	837.900	48.800	264.000			
	- Trong đó: bố trí Dự án Chuyển tiếp								1.482.900	124.100	520.000	790.000	48.800				
	- Trong đó: bố trí dự án khởi công mới								260.900	213.000	0	47.900					
	- Trong đó: trả nợ gốc (vốn vay lại)								25.700	25.700	0	0					
	- Trong đó: bố trí bồi hoàn giải phóng mặt bằng (từ tiền thuê đất)								390.000	390.000							
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				238.326	238.326	108.115	116.626	95.900	95.900	0	0	0	0			
	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				238.326	238.326	108.115	116.626	95.900	95.900	0	0	0	0			
1	Dự án Cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	Toàn tỉnh	2018-2023	2409/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh;	96.346	96.346	66.115	66.115	15.000	15.000							
2	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	Huyện U Minh Thượng	2019-2021	2527/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	8.500	8.500	20.000	20.000							
3	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong - Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận.	Huyện Vĩnh Thuận	2019-2021	2525/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	37.000	37.000	8.500	8.500	25.000	25.000							
4	Dự án Nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên	Huyện An Biên	2019-2021	2526/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	59.982	59.982	25.000	25.000	30.900	30.900							
5	Trụ sở làm việc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	376/QĐ-SKHĐT, ngày 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.998	14.998		8.511	5.000	5.000							



TT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú		
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh						Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất			Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn bội chi ngân sách địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
II	Sở Giao thông vận tải				4.161.149	4.161.149	781.710	781.710	776.000	200.000	300.000	276.000	0	0			
1	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				2.750.430	2.750.430	761.710	761.710	576.000	0	300.000	276.000	0	0			
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở UMT.	Huyện U Minh Thượng	2019-2022	2511/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	125.000	125.000	34.115	34.115	60.000			60.000					
1.2	Dự án Nâng cấp đường Thửa 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng.	Các huyện: An Biên, U Minh Thượng	2019-2023	2272/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 1214/QĐ-UBND, ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh;	199.999	199.999	136.698	136.698	40.000			40.000					
1.3	ĐT XD đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xd cầu; huyện An Biên, An Minh	Các huyện: An Biên, An Minh	2019-2021	2689/QĐ-UBND, ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh;	63.307	63.307	30.404	30.404	26.000			26.000					
1.4	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Huyện Hòn Đất	2019-2022	2515/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	79.543	79.543	20.000	20.000	50.000			50.000					
1.5	Dự án ĐT XD công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2019-2023	2233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh;	409.993	409.993	125.000	125.000	150.000		150.000						
1.6	Dự án ĐT XD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Huyện Phú Quốc	2019-2023	1752/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019; 2803/QĐ-UBND, ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh;	919.628	919.628	210.000	210.000	150.000		150.000						
1.7	Dự án ĐT XD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Thành phố Rạch Giá và huyện Hòn Đất	2019-2023	2232/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019; 2499/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	952.960	952.960	205.493	205.493	100.000			100.000					
2	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				1.410.719	1.410.719	20.000	20.000	200.000	200.000	0	0	0	0			
	Dự án ĐT XD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	Thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành	2019-2023	2070/QĐ-UBND, ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh;	1.410.719	1.410.719	20.000	20.000	200.000	200.000							
III	Sở Y tế				1.356.363	1.356.363	432.182	432.182	210.000	0	0	210.000	0	0			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết			Nguồn bội chi ngân sách địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	18	
1	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				1.356.363	1.356.363	432.182	432.182	210.000	0	0	210.000	0	0		
1.1	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành	2018-2020	2280/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh;	160.000	160.000	38	38	30.000			30.000				
1.2	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng	2018-2020	2279/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017;	190.000	190.000	711	711	30.000			30.000				
1.3	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường.	Thành phố Rạch Giá	2019-2023	2433/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	761.195	761.195	296.507	296.507	50.000			50.000				
1.4	Đầu tư phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) cho bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	2486/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	245.168	245.168	134.926	134.926	100.000			100.000				
IV	Sở Giáo dục và Đào tạo				14.000	7.000	0	0	3.000	0	0	3.000	0	0		
1	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				14.000	7.000	0	0	3.000	0	0	3.000	0	0		
	Trường PTCS Hòn Nghệ	Huyện Kiên Lương	2021-2023	Số 418/QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.000	7.000			3.000			3.000				
V	Sở Văn hóa và Thể thao				179.616	99.616	73.282	16.516	30.000	0	0	30.000	0	0		
1	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				179.616	99.616	73.282	16.516	30.000	0	0	30.000	0	0		
1.1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Thành phố Rạch Giá	2018-2020	2283/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh;	130.000	50.000	66.766	10.000	20.000			20.000				
1.2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	Thành phố Rạch Giá	2019-2022	2434/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	49.616	49.616	6.516	6.516	10.000			10.000				
VI	Sở Tài nguyên và Môi trường				755.022	377.511	287.288	287.288	130.000	0	130.000	0	0	0		
1	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				755.022	377.511	287.288	287.288	130.000	0	130.000	0	0	0		
	Dự án Cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh	2015-2022	2328/QĐ-UBND, ngày 01/10/2013; 2212/QĐ-UBND, ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh;	755.022	377.511	287.288	287.288	130.000			130.000				
VII	Sở Du Lịch				127.453	127.453	43.284	43.284	50.000	0	50.000	0	0	0		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú		
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết			Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				127.453	127.453	43.284	43.284	50.000	0	50.000	0	0	0	0		
1	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phạm - mộ Chi Sứ)	Huyện Hòn Đất	2019-2022	2505/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	59.453	59.453	19.184	19.184	20.000		20.000						
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch Cây Gòn (đoạn Cây Gòn - kênh 14)	Huyện Hòn Đất	2019-2021	2503/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	38.000	38.000	15.000	15.000	20.000		20.000						
3	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quóc)	Huyện Hòn Đất	2019-2021	2504/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	9.100	9.100	10.000		10.000						
VIII	Sở Kế hoạch và Đầu tư				73.377	73.377	11.885	11.885	10.000	0	10.000	0	0	0	0		
	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				73.377	73.377	11.885	11.885	10.000	0	10.000	0	0	0	0		
	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Toàn tỉnh	2019-2021	2272/QĐ-UBND, ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh;	73.377	73.377	11.885	11.885	10.000		10.000						
IX	Sở Nội vụ				4.014	4.014	0	0	2.000	2.000	0	0	0	0	0		
	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				4.014	4.014	0	0	2.000	2.000	0	0	0	0	0		
	Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2020-2022	Số 386/QĐ-SKHĐT ngày 11/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	4.014	4.014			2.000	2.000							
X	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh				15.880	15.880	3.355	3.355	5.500	5.500	0	0	0	0	0		
1	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				5.880	5.880	3.355	3.355	2.500	2.500	0	0	0	0	0		
	BCH quân sự tỉnh Kiên Giang; HM: XD mới nhà ở Đại đội Thiết giáp.	Thành phố Rạch Giá	2020-2021	391/QĐ-SKHĐT, ngày 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	5.880	5.880	3.355	3.355	2.500	2.500							

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết			Nguồn bội chi ngân sách địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	18	
2	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				10.000	10.000	0	0	3.000	3.000	0	0	0	0		
	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	Toàn tỉnh	2021-2023	Số 42/QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.000	10.000			3.000	3.000						
XI	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh				72.800	72.800	9.500	9.500	25.200	25.200	0	0	0	0		
	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				72.800	72.800	9.500	9.500	25.200	25.200	0	0	0	0		
1	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương	2020-2022	2529/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh;	60.000	60.000	2.000	2.000	20.000	20.000						
2	TKS Giang Thành	Huyện Giang Thành	2020-2022	406/QĐ-SKHĐT, ngày 31/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	12.800	12.800	7.500	7.500	5.200	5.200						
XII	Công an tỉnh				23.800	23.800	0	0	6.000	6.000	0	0	0	0		
	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				23.800	23.800	0	0	6.000	6.000	0	0	0	0		
1	Trụ sở làm việc Công an xã: Lại Sơn, Vĩnh Phú (Giang Thành), Thổ Sơn, Bình Trị, An Minh Bắc, Mong Thọ A thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	Các huyện: Kiên Hải, Giang Thành, Hòn Đất, Kiên Lương, U Minh Thượng, Châu Thành	2021-2022	Số 404/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	11.900	11.900			3.000	3.000						
2	Trụ sở làm việc Công an xã: Thạnh Lộc, Nam Thái A, Đông Yên, Minh Thuận, Thạnh Yên, Vĩnh Phú (Giồng Riềng), Mỹ Lâm thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	Các huyện: Châu Thành, An Biên, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Hòn Đất.	2021-2022	Số 405/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	11.900	11.900			3.000	3.000						





TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Nguồn cân đối ngân sách			Nguồn thu sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	18	
XIII	Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang				16.495	16.495	0	0	12.000	0	0	12.000	0	0		
	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				16.495	16.495	0	0	12.000	0	0	12.000	0	0		
	Đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, truyền dẫn tín hiệu phát sóng phát thanh	Thành phố Rạch Giá	2021-2022	2104/QĐ-UBND, ngày 07/9/2020; 2149/QĐ-UBND, ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh;	16.495	16.495			12.000			12.000				
XIV	Văn phòng Tỉnh ủy				169.142	141.332	72.072	72.072	32.500	2.500	30.000	0	0	0		
1	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				165.742	137.932	72.072	72.072	30.500	500	30.000	0	0	0		
1.1	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975) ở huyện U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng	2020-2022	723/QĐ-UBND, ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;	151.293	123.483	58.572	58.572	30.000		30.000					
1.2	Hội trường Huyện ủy Gò Quao	Huyện Gò Quao	2019-2021	154/QĐ-SKHĐT, ngày 12/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.449	14.449	13.500	13.500	500	500						
2	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				3.400	3.400	0	0	2.000	2.000	0	0	0	0		
	Sửa chữa, cải tạo nhà công vụ Tỉnh ủy	Thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 417/QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	3.400	3.400			2.000	2.000						
XV	Văn phòng UBND tỉnh				3.015	3.015	0	0	2.900	0	0	2.900	0	0		
	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				3.015	3.015	0	0	2.900	0	0	2.900	0	0		
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà khách thành phòng làm việc; khuôn viên phía trước trụ sở Văn phòng;	Thành phố Rạch Giá	2020-2022	Số 394/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.016	2.016			2.000			2.000				
2	Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang; hạng mục: cải tạo nhà ở chốt cảnh sát bảo vệ và phòng máy chủ	Thành phố Rạch Giá	2020-2022	Số 395/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	999	999			900			900				



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú		
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh						Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất			Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn bội chi ngân sách địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	18		
XVI	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội				25.000	25.000	9.000	9.000	10.000	0		10.000					
	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				25.000	25.000	9.000	9.000	10.000	0	0	10.000					
	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	2435/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	25.000	25.000	9.000	9.000	10.000			10.000					
XVII	Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công				0	0	0	0	30.000	0		30.000					
	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025								30.000			30.000		30.000			
1	Huyện Giồng Riềng	Huyện Giồng Riềng							5.000			5.000		5.000			
2	Huyện An Biên	Huyện An Biên							760			760		760			
3	Huyện An Minh	Huyện An Minh							5.650			5.650		5.650			
4	Huyện U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng							5.070			5.070		5.070			
5	Huyện Vĩnh Thuận	Huyện Vĩnh Thuận							3.270			3.270		3.270			
6	Huyện Gò Quao	Huyện Gò Quao							6.150			6.150		6.150			
7	Huyện Hòn Đất	Huyện Hòn Đất							1.010			1.010		1.010			
8	Huyện Tân Hiệp	Huyện Tân Hiệp							960			960		960			
9	Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành							350			350		350			
10	Thành phố Rạch Giá	Thành phố Rạch Giá							540			540		540			
11	Huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành							130			130		130			
12	Thành phố Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên							140			140		140			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết			Nguồn bội chi ngân sách địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	18	
13	Huyện Kiên Lương	Huyện Kiên Lương								310			310		310	
14	Huyện Phú Quốc	Huyện Phú Quốc								590			590		590	
15	Huyện Kiên Hải	Huyện Kiên Hải								70			70		70	
XVIII	Công trình trọng điểm, có tính chất liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội				805.415	803.415	267.903	265.903	264.000	0	0	264.000	0	264.000		
	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				805.415	803.415	267.903	265.903	264.000	0	0	264.000	0	264.000		
1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thị Ràng)	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	2507/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	53.469	53.469	10.000	10.000	30.000				30.000		30.000	
2	Đường Trần Văn Giàu (KDC Nam An Hòa-đường Phan Thị Ràng)	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	2508/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	64.818	64.818	10.000	10.000	40.000				40.000		40.000	
3	Kè Kênh Nhánh và đường (cầu 3/2 đến công viên Tôn Đức Thắng)	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	2529/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	10.000	10.000	15.000				15.000		15.000	
4	Kè, đường và công viên (đường Hoàng Diệu đến cổng Sóng Kiến) 16ha	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	2528/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	22.000	22.000	10.000	10.000	9.000				9.000		9.000	
5	Trường THCS Dương Đông 3	Huyện Phú Quốc	2018-2022	203/QĐ-BQLKTPQ, ngày 29/10/2018 của BQL Khu Kinh tế Phú Quốc;	60.801	60.801	40.000	40.000	10.000				10.000		10.000	
6	Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Biên (San lấp mặt bằng, xây mới hàng rào)	Huyện An Biên	2019-2021	3756/QĐ-UBND, ngày 18/9/2019 của UBND huyện An Biên;	6.897	6.897	3.400	3.400	3.000				3.000		3.000	
7	Đường KTI, huyện An Minh	Huyện An Minh	2019-2023	1127/QĐ-UBND ngày 13/5/2016; 523/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND tỉnh;	200.000	198.000	127.000	125.000	50.000				50.000		50.000	

TT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết			Nguồn bội chi ngân sách địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	18	
8	Trường Tiểu học thị trấn 1, huyện An Minh	Huyện An Minh	2019-2021	3738/QĐ-UBND, ngày 29/10/2018; 3318/QĐ-UBND, ngày 16/9/2019 của UBND huyện An Minh;	14.950	14.950	7.503	7.503	7.000			7.000		7.000		
9	Cầu Ngã Năm, thị trấn Gò Quao.	Huyện Gò Quao	2020-2021	2509/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019;	32.000	32.000	13.000	13.000	15.000			15.000		15.000		
10	Cầu U Minh Thượng trên đường Tỉnh 965	Huyện U Minh Thượng	2019-2021	2489/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019	50.000	50.000	2.000	2.000	10.000			10.000		10.000		
11	Nạo vét kênh Rạch Giá - Hà Tiên và sông Giang Thành	Thành phố Hà Tiên	2020-2022	2492/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	40.000	40.000	5.000	5.000	10.000			10.000		10.000		
12	Bãi rác Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên	2020-2022	2493/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	10.000	10.000	15.000			15.000		15.000		
13	Đường ra của khẩu quốc tế Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên	2019-2023	2510/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	200.480	200.480	20.000	20.000	50.000			50.000		50.000		
XIX	Chi đầu tư từ nguồn vay lại, trả nợ gốc				783.076	0	0	0	74.500	25.700	0	0	48.800	0		
1	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	Các huyện: An Biên, An Minh		1825/TTg-QHQT, ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; 1693/QĐ-BNN-HTQT, ngày 09/5/2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn;	729.247				64.330	25.000			39.330			
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Toàn tỉnh		1236/QĐ-BTNMT, ngày 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 930/QĐ-TTg, ngày 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.	53.829				10.170	700			9.470			
XX	Chi bồi thường giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền cho thuê đất.	huyện Phú Quốc							390.000	390.000						

TT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất			Nguồn thu xổ số kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	17	18	
B)	<b>CÔNG TRÌNH DO HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ</b>				0	0	0	0	1.444.167	181.167	780.000	483.000	0	1.444.167		
I	Thành phố Rạch Giá	Thành phố Rạch Giá							285.071	12.294	240.000	32.777		285.071		
II	Thành phố Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên							77.716	8.106	48.000	21.610		77.716		
III	Huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành							38.220	10.098	1.200	26.922		38.220		
IV	Huyện Kiên Lương	Huyện Kiên Lương							48.201	12.330	3.000	32.871		48.201		
V	Huyện Hòn Đất	Huyện Hòn Đất							56.842	15.014	1.800	40.028		56.842		
VI	Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành							47.980	10.960	7.800	29.220		47.980		
VII	Huyện Tân Hiệp	Huyện Tân Hiệp							43.141	10.950	3.000	29.191		43.141		
VIII	Huyện Giồng Riềng	Huyện Giồng Riềng							76.430	19.211	6.000	51.219		76.430		
IX	Huyện Gò Quao	Huyện Gò Quao							51.939	13.775	1.440	36.724		51.939		
X	Huyện An Biên	Huyện An Biên							40.549	10.897	600	29.052		40.549		
XI	Huyện An Minh	Huyện An Minh							46.566	12.538	600	33.428		46.566		
XII	Huyện U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng							34.649	9.124	1.200	24.325		34.649		
XIII	Huyện Vĩnh Thuận	Huyện Vĩnh Thuận							41.675	11.286	300	30.089		41.675		
XIV	Huyện Phú Quốc	Huyện Phú Quốc							522.339	15.804	464.400	42.135		522.339		
XIV	Huyện Kiên Hải	Huyện Kiên Hải							32.849	8.780	660	23.409		32.849		